| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ KON TUM**<br>**TỈNH KON TUM** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 21/2025/QĐST-DS | *Tp ., ngày 09 tháng 4 năm 2025* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 211; Điều 212 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 01 tháng 4 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 222/2024/TLST- DS ngày 25/12/2024.

## XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

- *Nguyên đơn*: Anh Phạm Huỳnh N, sinh 1991.

Địa chỉ: 1 X, phường B, Quận B, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Võ Minh T, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Tầng E, Tòa nhà S, D U, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Anh Lê Văn B, sinh năm 1985 và chị Chu Minh D, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số C Đ, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 335, tờ bản đồ số 40, tại địa chỉ: Thôn D, Xã C, thành phố K, tỉnh Kon Tum giữa nguyên đơn – ông Phạm Huỳnh N và bị đơn – ông Lê Văn B, bà Chu Minh D lập ngày 22 tháng 04 năm 2022 vô hiệu toàn bộ.

2.2. Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Anh Lê Văn B và chị Chu Minh D phải trả lại cho ông Phạm Huỳnh N số tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là **600.000.000** (*Sáu trăm triệu)* đồng. Thời hạn trả là vào ngày 01/8/2025.

2.3. Về lãi suất chậm trả: Áp dụng Điều 357 Bộ luật Dân sự.

*Kể từ ngày đến hạn trả tiền và ông Phạm Huỳnh N có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền nêu trên mà anh Lê Văn B và chị Chu Minh D chậm trả thì phải chịu lãi suất 10%/năm tương ứng với số tiền chậm trả và thời gian chậm trả.*

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6; điểm a, b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Số tiền án phí dân sự sơ thẩm **14.150.000** (*Mười bốn triệu, một trăm năm mươi ngàn)* đồng. Nhưng các đương sự thỏa thuận như sau:

- Nguyên đơn anh Phạm Huỳnh N nhận chịu **7.000.000** (*Bảy triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 16.636.666 đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0000325 ngày 25/12/2024. Ông Phạm Huỳnh N được nhận lại **9.636.666** (*Chín triệu, sáu trăm ba mươi sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu)* đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum.

- Bị đơn anh Lê Văn B và chị Chu Minh D nhận chịu **7.150.000** (*Bảy triệu một trăm năm mươi ngàn đồng*), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum.

**4.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**5.** *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- VKSND Tp. Kon Tum;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Chi cục THADS thành phố Kon Tum;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Đồng Thị Bình**